

Bản án số: 454/2018/HS-PT

Ngày 21- 8- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Thị Mỹ D và Trần Văn Đ; do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của các bị hại (05 bị hại kháng cáo) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/. **Bùi Thị Mỹ D**, sinh năm 1970 tại Ninh Thuận; Thường trú: thôn T, xã S, huyện P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Con ông Bùi Mỹ Q (đã chết) và bà Phạm Thị H (sinh năm 1940); Có chồng là Trần Văn Đ (sinh 1963, là bị cáo trong vụ án này) và hai con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2013. (có mặt)

2/. **Trần Văn Đ**, sinh năm 1963 tại Hưng Yên; Thường trú: Thôn T, xã S, huyện P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Trần Thị C; Có vợ là Bùi Thị Mỹ D (sinh 1970, là bị cáo trong vụ án này) và 01 con (sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2013. (có mặt)

Người bào chữa cho hai bị cáo: Luật sư Trần Thanh T - Văn phòng Luật sư Thanh T, Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

- Người bị hại:

1. Bà Mai Xuân T (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1975; Địa chỉ: 3/2 đường C, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)
 2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969; Địa chỉ: 114/1 Đường P, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 3. Ông Trương Tấn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 18 Đường Y, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
- Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Bà Trần Thị Phương D, sinh năm 1989; Địa chỉ: 18 Đường Y, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017). (vắng mặt)
4. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 5/5 Đường P, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 5. Bà Lê Mai Diễm T (tên gọi khác: Trang K), sinh năm 1983; Địa chỉ: 72 Đường X, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; Địa chỉ: 7D Đường P, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 7. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1948; Địa chỉ: 4A Đường T, Phường 3, thành phố Đ, Lâm Đồng. (có mặt)
 8. Bà Nguyễn Thị Đ (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1974; Địa chỉ: 27/4 Đường P, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)
 9. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: 36/8 Đường P, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)
 10. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1971; Địa chỉ: 36/2 Đường P, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 11. Bà Lại Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: 59 Đường V, Phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng. (vắng mặt)
 12. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: 53 Thi Sách, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)
 13. Bà Nguyễn Thị Đạt N (tên gọi khác: Xuân Trường), sinh năm 1977; Địa chỉ: 67B Đường 3/2, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 14. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; Địa chỉ: 18/29 Đào Duy Từ, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)
 15. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959; Địa chỉ: Lô F9 khu quy hoạch T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.(vắng mặt)
 16. Bà Đậu Thị H (tên gọi khác: Hoa Hiền), sinh năm 1955; Địa chỉ: 24 Đường D, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

17. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Lô A22, khu quy hoạch T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: 27i Đường P, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017). (có mặt)

18. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: 27i Đường P, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

19. Bà Trần Thị Mỹ T (tên gọi khác: Trang Lai), sinh năm 1968; Địa chỉ: 38 Đường P, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

20. Bà Đoàn Thị Mai L, sinh năm 1973; Địa chỉ: tổ A, khu phố 7, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

21. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; Địa chỉ: 73/3 đường A, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, (vắng mặt)

22. Bà Nguyễn Từ Thảo T; Địa chỉ: 7/36 đường Đ, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Trong đó những người bị hại có kháng cáo gồm: Bà Nguyễn Thị T, bà Đoàn Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Đặng Thị H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Mỹ Quốc H, sinh năm 1989; Địa chỉ: 227 đường A, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

2. Bà Lê Thị Kim H; Địa chỉ: Phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

3. Bà Bùi Thị N; Địa chỉ: Phường H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

4. Ông Đặng Hồng K; Địa chỉ: Khu phố 1, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Bun C; Địa chỉ: Khu phố 1, phường S, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị Đ: Luật sư Đỗ Vị V - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Quốc H: Luật sư Trần Đăng K - Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006 các bị cáo Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ từ tỉnh Ninh Thuận đến Đà Lạt thuê nhà, tạm trú tại số 02 L, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và tổ chức làm cái các dây huê (*hụi, họ, biểu phường gọi chung là huê*). Trước khi chơi huê giữa bị cáo D và những người chơi huê (*gọi là con huê; hoặc nhà con*) thỏa thuận bằng miệng (*không có văn bản*), theo đó hình thức chơi huê không áp cái, bị cáo D đứng ra làm chủ có trách nhiệm tổ chức cho những nhà con huê bỏ thăm để gom tiền nhà con giao cho một trong những con huê bỏ thăm cao nhất (*xổ huê*) ngay từ kỳ đầu tiên và được hưởng hoa hồng của người hót huê mỗi lần xổ huê. Trong các dây huê, bị cáo D, Đ vừa là nhà cái (*gọi là chủ huê hoặc nhà cái*) vừa là con huê tham gia chơi huê. Việc chơi huê giữa các bị cáo và những người chơi huê giao dịch thỏa thuận miệng không có các giấy tờ ghi nhận việc chơi huê, không có danh sách những người chơi huê (*phơi huê*) trong từng dây huê, nhà cái và mỗi nhà con tự ghi vào sổ của mình để theo dõi. Giữa bị cáo D và những con huê thỏa thuận chơi nhiều dây huê khác nhau nhưng nhà cái không công khai mỗi dây huê có bao nhiêu người chơi, nên người chơi không biết trong dây huê mình đang chơi gồm những ai và có bao nhiêu phần trong từng dây huê như huê tháng, huê 15 ngày, huê tuần, huê theo thứ trong tuần, 05 ngày xổ 01 lần với giá trị tiền từ 500.000đ đến 200.000.000đ trên 01 phần huê, các con huê tham gia chơi huê với các bị cáo D, Đ hầu hết tham gia rất nhiều các dây huê khác nhau, đan xen lẫn nhau. Về hình thức chơi, đối với mỗi dây huê giữa nhà cái và nhà con thỏa thuận từng dây huê cụ thể về ngày mở đầu tiên, số tiền chơi trong dây, số lần, ngày tổ chức bốc thăm (*xổ huê*), số kỳ chơi trong một dây; địa điểm được xổ tại “*quán cà phê Chiều Tím*” ở đường L, Phường 9, thành phố Đ. Theo thỏa thuận, mỗi dây huê được xổ ngay vào ngày mở đầu tiên và theo định kỳ tiếp theo cho đến kỳ cuối cùng. Khi xổ huê không nhất thiết phải có mặt đầy đủ các con huê, nếu nhà con đến xổ huê trực tiếp thì ghi tên mình và số tiền bỏ thăm vào giấy rồi đưa cho nhà cái, nếu nhà con không đến thì gọi điện nhờ nhà cái bỏ thăm giúp, sau đó nhà cái tập trung tất cả các giấy bỏ thăm của các con huê lại, kiểm tra và công bố người được hót huê. Sau khi xổ huê, nhà cái đi thu tiền của các con huê hoặc các con huê mang tiền đến đóng cho nhà cái để nhà cái giao cho người đã bỏ thăm cao nhất (*gọi là chồng huê cho người hót*). Số tiền từng con huê phải đóng cho nhà cái được bị cáo Đ ghi cho từng nhà con thể hiện một tờ giấy nhỏ sau mỗi lần xổ huê, trong đó số tiền ghi đều thiếu ba số “0” ở sau cùng như “*số tiền chỉ ghi 10.000đ nhưng được hiểu là 10.000.000đ*”. Sau khi đã đóng tiền huê cho bị cáo D, Đ hoặc hót huê thì từng người tự ghi nhận số tiền đã đóng huê và đánh dấu ngày hót huê vào sổ của mình để theo dõi.

Từ năm 2006 đến năm 2011, bị cáo D đã tổ chức rất nhiều dây huê và nhiều dây huê đã kết thúc. Từ tháng 04/2011 đến đầu tháng 03/2012 các con huê tiếp tục chơi nhiều dây huê với bị cáo D, các dây huê đang hoạt động thì đến ngày 04/3/2012 bị cáo D, Đ bỏ về thành phố Phan Rang – Tháp Chàm,

tỉnh Ninh Thuận, đến ngày 12/3/2012 bị cáo D, Đ đến trình diện tại Công an tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo D, Đ làm cái 47 dây huê, trong đó cấp sơ thẩm kết luận: Có 05 dây huê các bị cáo D, Đ đã có hành vi gian dối lợi dụng hình thức xổ huê “*không cần có mặt đầy đủ của tất cả các con huê, nhà con nếu vắng mặt thì có thể gọi điện nhờ nhà cái bỏ giúp nếu không gọi điện nhờ nhà cái bỏ giúp thì coi như không bỏ huê*” nên các bị cáo D, Đ đã “*giả các nhà con tự bỏ thăm huê, nói với những người chơi huê là có người khác đã bỏ giá cao hơn để được hốt huê*”, từ đó bị cáo D, Đ đi thu tiền của những người chơi huê, đến ngày 04/3/2012 ngưng hoạt động các dây huê, để chiếm đoạt số tiền 2.108.310.000đ của những người chơi huê trong 05 dây huê, cụ thể như sau:

Dây huê thứ nhất mở ngày 26/04/2011: Huê 10 triệu đồng/phần do bị cáo D làm cái, mỗi tháng xổ 01 lần gồm 13 kỳ (*tức 13 tháng sẽ kết thúc dây huê*). Huê có 27 người tham gia (*kể cả nhà cái*), gồm 57 phần của các con huê và 8 phần của nhà cái là 65 phần. Quá trình chơi huê có 04 người/7 phần (*Chế Thị Duyên, Phạm Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Bích Lan, Vũ Thành Nam*) có chơi được một số kỳ, sau đó ngưng không chơi, nhà cái tiếp tục chơi với tư cách nhà con là 07 phần này. Tổng cộng dây huê này mỗi kỳ xổ 05 phần ($5 \times 13 \text{ kỳ} = 65 \text{ phần}$). Tính đến ngày 04/3/2012 dây huê trên đã xổ được 10 kỳ tương ứng 50 phần được hốt, nhưng thực tế mới có 38 phần được hốt (*tính cả 15 phần nhà cái chơi trong dây này*), còn 11 người tương ứng 27 phần chưa hốt. Như vậy nhà cái đã tự ý hốt 12 phần huê của 11 người chơi huê (*các nhà con*), của kỳ 6 hốt 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 6.250.000đ/phần (*giá xổ 3.750.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 27 phần sống là 67.500.000đ; kỳ 7 hốt 4 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 5.850.000đ/phần (*giá xổ 4.150.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 27 phần sống là 126.360.000đ; kỳ 9 hốt 3 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 5.400.000đ/phần (*giá xổ 4600.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 27 phần sống là 87.480.000đ; kỳ 10 hốt 3 phần; số tiền huê sống nhà con phải đóng 4.200.000đ/phần (*giá xổ 5.800.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 27 phần sống là 68.040.000đ. Tổng số tiền chiếm đoạt trong dây huê này là 394.380.000đ. Số tiền nhà cái đã chiếm đoạt của 27 phần huê sống, cụ thể chiếm đoạt của những người sau:

- Bà Mai Xuân T có 4 phần huê sống là 51.760.000đ; bà Nguyễn Thị G có 02 phần sống là 25.880.000đ; ông Trương Tấn T có 03 phần sống là 38.820.000đ; bà Đặng Thị H có 2 phần sống là 25.880.000đ; bà Lê Mai Diễm T có 04 phần sống là 51.760.000đ; bà Nguyễn Thị K có 02 phần sống là 25.880.000đ; bà Đoàn Thị T có 01 phần sống là 12.940.000đ; bà Nguyễn Thị Đ có 02 phần sống là 25.880.000đ; bà Huỳnh Thị H có 02 phần sống là 25.880.000đ; bà Nguyễn Thị U có 03 phần sống là 38.820.000đ; bà Lại Thị T có 02 phần sống là 25.880.000đ.

Ngoài ra, trong quá trình xổ huê, ngoài số tiền chiếm đoạt trong số phần ở mỗi kỳ hốt huê, bị cáo D, Đ còn nâng số tiền thu huê sống cao hơn số tiền mà các con huê phải đóng trong mỗi kỳ xổ đối với các con huê không tham gia trực tiếp đến xổ huê, cụ thể:

1. Đối với ông Trương Tấn T đã thu chênh lệch trong 10 kỳ với số tiền chiếm đoạt là 10.830.000đ.

2. Đối với bà Mai Xuân T đã thu chênh lệch ở kỳ 7 và kỳ 10 với số tiền chiếm đoạt là 5.000.000đ.

Tổng cộng bị cáo D, Đ đã chiếm đoạt trong dây huê mở ngày 26/4/2011 với số tiền là 365.210.000đ.

Ngoài số tiền bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại như trên, thì trong dây huê này còn có 11 bị hại trên còn đóng huê sống cho bị cáo D với số tiền là 1.219.050.000đ, nhưng bị cáo D là nhà cái không gian dôi để chiếm đoạt, mà giao tiền cho những người đã hốt thực tế trong dây huê là 38 phần, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Dây huê thứ hai, mở ngày 15/9/2011: Huê 30 triệu đồng/phần, do bị cáo D làm cái, mỗi tháng xổ 01 lần gồm 12 kỳ (*tức đến 12 tháng sẽ kết thúc dây huê*). Huê có 13 người tham gia gồm 24 phần, mỗi kỳ xổ 02 phần ($2 \times 12 \text{ kỳ} = 24 \text{ phần}$). Đến ngày 04/3/2012 đã xổ được 06 kỳ tương ứng 12 phần được hốt nhưng trên thực tế mới có 8 phần được hốt. Như vậy, bị cáo D đã tự ý hốt 4 phần của kỳ 3 hốt 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 16.700.000đ/phần (*giá xổ 13.300.000đ*), số tiền nhà cái chiếm đoạt của 16 phần sống là 133.600.000đ; kỳ 4 hốt 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 16.100.000đ/phần (*giá xổ 13.900.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 16 phần sống là 257.600.000đ; kỳ 5 hốt 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 14.500.000đ/phần (*giá xổ 15.500.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 16 phần sống là: 116.000.000đ. Tổng số tiền chiếm đoạt trong dây huê này là 507.200.000đ (*từng kỳ xổ huê có phụ lục kèm theo*). Số tiền nhà cái đã chiếm đoạt của 16 phần huê sống, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị N có 02 phần sống là 63.400.000đ; bà Đoàn Thị Mai L có 02 phần sống là 63.400.000đ; bà Mai Xuân T có 04 phần sống là 126.800.000đ; bà Nguyễn Thị G có 01 phần sống là 31.700.000đ; bà Lê Mai Diễm T có 02 phần sống là 63.400.000đ; bà Đậu Thị H có 01 phần sống là 31.700.000đ; bà Nguyễn Thị U có 02 phần sống là 63.400.000đ; bà Nguyễn Thị P có 01 phần sống là 31.700.000đ; bà Trần Thị Mỹ T (*Trang Lai*) có 01 phần sống là 31.700.000đ.

Tổng cộng bị cáo D, Đ đã chiếm đoạt trong dây huê mở ngày 15/9/2011 số tiền 507.200.000đ.

Ngoài số tiền bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại nêu trên, trong dây huê này có 09 bị hại trên còn đóng huê sống cho bị cáo D với số tiền là 1.033.600.000đ, số tiền này bị cáo D là nhà cái không gian dôi để chiếm đoạt

mà giao tiền cho những người đã hót thực tế trong dây huê là 8 phần, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Dây huê thứ 3, mở ngày 21/5/2011: Huê 30 triệu đồng/phần, do bị cáo D làm cái, mỗi tháng xổ 01 lần gồm 12 kỳ (*tức 12 tháng sẽ kết thúc dây huê*). Huê có 10 người tham gia gồm 24 phần. Dây huê này mỗi kỳ xổ 02 phần ($2 \times 12 \text{ kỳ} = 24 \text{ phần}$). Đến ngày 04/3/2012 dây huê này đã xổ được 9 kỳ tương ứng 18 phần được hót nhưng thực tế mới có 13 phần được hót. Như vậy bị cáo D đã tự ý hót 5 phần của kỳ 5 hót 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 18.000.000đ/phần (*giá xổ 12.000.000đ*), số tiền nhà cái chiếm đoạt của 11 phần sống là 99.000.000đ; kỳ 6 hót 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 16.900.000đ/phần (*giá xổ 13.100.000đ*), số tiền nhà cái chiếm đoạt của 11 phần sống là 185.900.000đ; kỳ 7 hót 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 16.000.000đ/phần (*giá xổ 14.000.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 11 phần sống là 176.000.000đ.

Tổng số tiền chiếm đoạt trong dây huê này là 460.900.000đ (*từng kỳ xổ huê có phụ lục kèm theo*). Số tiền nhà cái đã chiếm đoạt của 11 phần huê sống, cụ thể như sau:

- Bà Mai Xuân T có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Lê Mai Diễm T có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Nguyễn Thị U có 03 phần sống là 125.700.000đ; bà Trần Thị Mỹ T (*Trang Lai*) có 04 phần sống là 167.600.000đ.

Ngoài số tiền bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại nêu trên, trong dây huê này 04 bị hại trên còn đóng huê sống cho bị cáo D với số tiền là 1.159.400.000đ, số tiền này bị cáo D là nhà cái không gian dối để chiếm đoạt mà giao tiền cho những người đã hót thực tế trong dây huê là 13 phần, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Dây huê thứ 4, mở ngày 06/8/2011: Huê 30 triệu đồng/phần do bị cáo D làm cái, mỗi tháng xổ 01 lần gồm 12 kỳ (*tức 12 tháng sẽ kết thúc dây huê*), có 11 người tham gia gồm 24 phần. Dây huê này mỗi kỳ xổ 02 phần ($2 \times 12 \text{ kỳ} = 24 \text{ phần}$). Đến ngày 04/3/2012 dây huê này đã xổ được 7 kỳ tương ứng 14 phần được hót nhưng thực tế mới có 9 phần được hót. Như vậy bị cáo D đã tự ý hót 5 phần của kỳ 3 hót 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 17.400.000đ/phần (*giá xổ 12.600.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 15 phần sống là 261.000.000đ; kỳ 4 hót 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 17.000.000đ/phần (*giá xổ 13.000.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 15 phần sống là 127.500.000đ; kỳ 5 hót 2 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 16.000.000đ/phần (*giá xổ 14.000.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 15 phần sống là 240.000.000đ.

Tổng số tiền chiếm đoạt trong dây huê này là 628.500.000đ (*từng kỳ xổ huê có phụ lục kèm theo*). Số tiền này nhà cái đã chiếm đoạt của 15 phần huê sống, cụ thể như sau:

- Bà Mai Xuân T có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Trần Thị Mỹ T có 01 phần sống là 41.900.000đ; bà Nguyễn Thị Đạt N có 01 phần sống là 41.900.000đ; bà Nguyễn Thị L có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Nguyễn Thị N có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Nguyễn Thị G có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Lại Thị T có 01 phần sống là 41.900.000đ; bà Nguyễn Thị U có 02 phần sống là 83.800.000đ; bà Nguyễn Thị P có 02 phần sống là 83.800.000đ.

Ngoài số tiền bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại như trên, trong dây huê này 9 bị hại trên còn đóng huê sống cho bị cáo D với số tiền là 802.500.000đ, số tiền này bị cáo D là nhà cái không gian dôi để chiếm đoạt mà giao tiền cho những người đã hót thực tế trong dây huê là 9 phần, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Dây huê thứ 5 mở ngày 16/8/2011: Huê 30 triệu đồng/phần, do bị cáo D làm cái, mỗi tháng xổ 01 lần gồm 11 kỳ (*tức 11 tháng sẽ kết thúc dây huê*) (*bút lục 103, sổ huê Quyển 4*). Có 10 người tham gia (*kể cả nhà cái*), gồm 18 phần của các con huê và 04 phần của nhà cái, tổng cộng 22 phần. Dây huê này mỗi kỳ xổ 02 phần ($2 \times 11 \text{ kỳ} = 22 \text{ phần}$). Tính đến ngày 04/3/2012 dây huê trên đã xổ được 07 kỳ tương ứng 14 phần được hót, nhưng thực tế mới có 12 phần được hót (*tính cả 04 phần nhà cái chơi trong dây này*). Như vậy bị cáo D, Đ đã tự ý hót 02 phần kỳ 6 hót 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 14.300.000đ/phần (*giá xổ 15.700.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 10 phần sống là 71.500.000đ; kỳ 7 hót 1 phần, số tiền huê sống nhà con phải đóng 15.000.000đ/phần (*giá xổ 15.000.000đ*) số tiền nhà cái chiếm đoạt của 10 phần sống là 75.000.000đ.

Tổng số tiền chiếm đoạt trong dây huê này là 146.500.000đ (*Từng kỳ xổ huê có phụ lục kèm theo*). Số tiền nhà cái đã chiếm đoạt của 10 phần huê sống, cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K có 03 phần sống là 43.950.000đ; bà Trần Thị Mỹ T có 01 phần sống là 14.650.000đ; bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 phần sống là 14.650.000đ; bà Mai Xuân T có 02 phần sống là 29.300.000đ; bà Nguyễn Thị U có 01 phần sống là 14.650.000đ; bà Lê Mai Diễm T có 02 phần sống là 29.300.000đ.

Ngoài số tiền Bùi Thị Mỹ D, chiếm đoạt của các bị hại như trên, thì trong dây huê này 6 bị hại trên còn đóng huê sống cho Bùi Thị Mỹ D với số tiền là 981.500.000đ, số tiền này Bùi Thị Mỹ D là nhà cái không gian dôi để chiếm đoạt mà giao tiền cho những người đã hót thực tế trong dây huê là 12 phần, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Trong 05 dây huê nêu trên, các bị cáo D, Đ đã chiếm đoạt của những người tham gia chơi huê với tổng số tiền là 2.108.310.000đ của từng người bị hại sau:

- Bà Mai Xuân T là 380.460.000đ; bà Nguyễn Thị G là 141.380.000đ; ông Trương Tấn T là 49.650.000đ; bà Đặng Thị H là 25.880.000đ; bà Lê Mai Diễm T là 228.260.000đ; bà Nguyễn Thị K là 25.880.000đ; bà Đoàn Thị T là 12.940.000đ; bà Nguyễn Thị Đ là 25.880.000đ; bà Huỳnh Thị H là 25.880.000đ; bà Nguyễn Thị U là 326.370.000đ; bà Lại Thị T là 67.780.000đ; bà Nguyễn Thị ThanhThúy là 14.650.000đ; bà Nguyễn Thị Đạt N là 41.900.000đ; bà Nguyễn Thị N là 147.200.000đ; bà Nguyễn Thị P là 115.500.000đ; bà Nguyễn Thị L là 83.800.000đ; bà Đậu Thị H là 31.700.000đ; bà Phạm Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K là 43.950.000đ; bà Trần Thị Mỹ T là 255.850.000đ; bà Đoàn Thị Mai L là 63.400.000đ.

Quá trình điều tra lại, các bị hại vẫn khẳng định giữ nguyên lời khai trước, kết quả đối chất trước nên các bị hại từ chối đối chất lại.

Đối với bị cáo D thay đổi lời khai không thừa nhận kết quả đối chất với những người đã chơi huê trước đây.

Đối với bị cáo Đ không thừa nhận đã cùng bị cáo D tổ chức các dây huê và khai không biết các dây huê hoạt động như thế nào, chỉ giúp bị cáo D viết các giấy tính thu tiền huê do D không biết chữ, mọi việc theo dõi, quản lý tính toán tiền huê phân sống và phần huê chết đều do bị cáo D đảm nhận và tính toán. Còn những người chơi huê với bị cáo D khẳng định việc tổ chức chơi huê đều do cả hai vợ chồng bị cáo D, bị cáo Đ làm cái, trong đó bị cáo Đ cũng tham gia xỏ huê nên Đ phải biết số phần huê còn sống và phần huê đã hót, bị cáo Đ còn là người trực tiếp ghi các giấy giao tiền cho các phần huê hót được. Đối với dây huê mở ngày 26/4/2011, bị cáo Đ biết giá xỏ huê như viết giấy thu huê cho bà Thuận, thu tiền huê của ông Thành chênh lệch với số tiền xỏ huê thực tế.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử như sau:

1/. Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ cùng phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Thị Mỹ D 13 (*mười ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/6/2013.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/6/2013.

2/. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại bà Mai Xuân T số tiền 380.460.000đ; bà Nguyễn Thị G số tiền 131.380.000; ông Trương Tấn T

số tiền 49.650.000đ; bà Lê Mai Diễm T số tiền 228.260.000đ; bà Nguyễn Thị K số tiền 25.880.000đ; bà Đoàn Thị T số tiền 2.940.000đ; bà Nguyễn Thị Đ số tiền 25.880.000đ; bà Huỳnh Thị H số tiền 25.880.000đ; bà Nguyễn Thị U số tiền 326.370.000đ; bà Lại Thị T số tiền 57.780.000đ; bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 14.650.000đ; bà Nguyễn Thị Đạt N số tiền 41.900.000đ; bà Nguyễn Thị N số tiền 97.200.000đ; bà Nguyễn Thị P số tiền 65.500.000đ; bà Nguyễn Thị L số tiền 83.800.000đ; bà Đậu Thị H số tiền 31.700.000đ; bà Trần Thị Mỹ T 255.800.000đ; bà Đoàn Thị Mai L số tiền 63.400.000đ.

- Buộc bà Đặng Thị H hoàn trả cho các bị cáo Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ số tiền 24.120.000đ; buộc bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị K liên đới hoàn trả cho các bị cáo Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ số tiền là 36.050.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án.

Ngày 16/5/2017, bị cáo Bùi Thị Mỹ D kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo làm nhà cái của 47 dây huê, hiện các nhà con còn nợ bị cáo 13 tỷ nhưng cơ quan điều tra không cân đối cho bị cáo, bị cáo chồng tiền huê đủ cho bị hại, bị cáo không lừa đảo, bị cáo nhiều lần yêu cầu cơ quan điều tra cho đối chất với bị hại nhưng không được và bị hại không đồng ý đối chất với bị cáo. Cơ quan điều tra không xuất trình được giấy nợ của từng dây huê là áp đặt đối với bị cáo.

Ngày 19/5/2017, bị Trần Văn Đ kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo chỉ ghi giúp giấy tờ huê cho D, bị cáo không biết gì về việc chơi huê của D.

Ngày 23/5/2017, bị hại Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm để xử lại theo hướng tăng hình phạt hai bị cáo và tăng tiền bồi thường cho bà. Thiệt hại của bà là hơn 01 tỷ đồng, án sơ thẩm buộc bà trả lại tiền cho bị cáo là không đúng.

Ngày 25/5/2017, bị hại Đoàn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để xử lại bảo đảm sự công bằng.

Ngày 25/5/2017, bị hại Huỳnh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng các bị cáo nợ bà 181.900.000đ nhưng tòa tuyên số nợ chỉ còn 25.000.000đ. Đề nghị hủy án sơ thẩm để xử lại theo hướng tăng hình phạt hai bị cáo và tăng tiền bồi thường cho bà.

Ngày 25/5/2017, bị hại Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm để xử lại theo hướng tăng hình phạt hai bị cáo và tăng tiền bồi thường cho bà.

Ngày 29/5/2017, bị hại Đặng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà cho rằng bản án sai sót, ảnh hưởng quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và người bị hại có kháng cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Sau khi xét xử lại, cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chưa chứng minh được số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 06 tỷ hay 02 tỷ, chưa đối chất làm rõ nội dung này, chưa làm rõ bị cáo làm giả phiếu thăm của nhà con nào, lấy tên ai không có trong dây huê để hốt huê, chiếm đoạt bao nhiêu tiền? Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo và của các bị hại, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Giao dịch huê hụi giữa bị cáo và bị hại là quan hệ dân sự. Khi bị cáo về Ninh Thuận ngày 04/3/2012 thì các dây huê vẫn đang hoạt động, bị cáo không nợ ai. Các bị cáo không có hành vi gian dối và không có hành vi chiếm đoạt tiền huê. Cơ quan tố tụng không chứng minh được các bị cáo giả các con huê để hốt huê hoặc nói nhà con khác bỏ huê cao hơn để bị cáo hốt huê. Không có dây huê nào đến kỳ xổ huê mà bị cáo không chồng huê cho nhà con hốt huê. Sau khi có việc tố cáo thì 47 dây huê không hoạt động được, một số người hốt huê nhưng không nộp huê chết, cơ quan điều tra không cân đối được giữa huê sống và huê chết, chưa xác định được nhà con đã hốt huê trong 5 dây huê nhưng chưa nộp huê chết, chỉ xác định huê sống để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm, truy tố bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị hủy án sơ thẩm, đình chỉ vụ án, tuyên bố các bị cáo không phạm tội.

Các bị cáo đồng ý với ý kiến của luật sư, không tranh luận gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, Luật sư Văn trình bày: Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại như ý kiến của Viện kiểm sát, đề nghị xác minh lại nguồn gốc tài sản của ông Huy.

Các bị hại đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Ông Huy đề nghị bảo vệ quyền lợi chính đáng của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ 26/4/2011 đến ngày 16/8/2011, bị cáo D tổ chức 05 dây huê (hụi) nêu trên. Các dây huê này là có thật, do D làm nhà cái, Đ là người hỗ trợ D việc ghi chép và cùng D đi thu tiền huê của các con huê. Ngoài 05 dây huê này thì D còn làm cái của khoảng trên 40 dây huê khác, đã có nhiều dây huê kết thúc.

Việc chơi huê giữa bị cáo D và các bị hại cũng như các nhà con trong 05 dây huê mà Viện kiểm sát truy tố đều tự nguyện, có thỏa thuận với nhau bằng miệng, không có các giấy tờ ký kết giữa nhà cái và nhà con ghi nhận

việc chơi huê, không có danh sách những người chơi huê (*phoi huê*) trong từng dây huê, mỗi người (con huê) và nhà cái tự ghi vào sổ của mình để theo dõi. Giữa bị cáo D và những con huê thỏa thuận chơi nhiều dây huê khác nhau nhưng D chỉ thông báo số kỳ xổ huê nhưng không công khai mỗi dây huê có bao nhiêu người chơi, tên từng con huê nên người chơi không biết trong dây huê mình đang chơi gồm những ai và có bao nhiêu phần trong từng dây huê. Quá trình thỏa thuận chơi huê thì các con huê cũng không yêu cầu D cho biết trong dây huê mình đang chơi gồm những ai và có bao nhiêu phần trong từng dây huê mà chỉ hỏi về mức đóng huê và số kỳ xổ huê và hoa hồng nhà cái được hưởng mỗi kỳ xổ huê.

Mỗi khi đến kỳ xổ huê thì các nhà con đến quan cà phê Chiều Tím ở đường L, Phường 9, thành phố Đ để cùng nhà cái xổ huê. Theo thỏa thuận, mỗi dây huê được xổ ngay vào ngày mở đầu tiên và theo định kỳ tiếp theo cho đến kỳ cuối cùng. Khi xổ huê không nhất thiết phải có mặt đầy đủ các con huê, nếu nhà con đến xổ huê trực tiếp thì ghi tên mình và số tiền bỏ thăm vào giấy rồi đưa cho nhà cái, nếu nhà con không đến thì gọi điện nhờ nhà cái bỏ thăm giúp, sau đó nhà cái kiểm tra các thăm và công bố người được hót huê. Sau khi xổ huê, nhà cái đi thu tiền của các con huê hoặc các con huê mang tiền đến đóng cho nhà cái để nhà cái giao cho người được hót huê của kỳ xổ huê.

Việc thu tiền của các nhà con do D và Đ trực tiếp thu khi nhà con đi xổ huê đóng hoặc D và Đ đi thu khi nhà con vắng trong kỳ xổ huê. Khi thu tiền đóng huê của nhà con và giao tiền huê cho nhà con được hót huê các bên đều không ký nhận, không làm giấy nhận tiền giữa nhà cái và nhà con. Tại phiên tòa hôm nay, chỉ có bà Thuận trình bày các lần nộp tiền huê đều yêu cầu các bị cáo viết giấy biên nhận nhận tiền. Khi 05 dây huê trên đang hoạt động thì ngày 04/3/2012 các bị cáo về Ninh Thuận dẫn đến các người bị hại tố cáo gửi đơn đến Cơ quan điều tra cho rằng D, Đ bỏ trốn chiếm đoạt tiền huê.

Quá trình điều tra, xét xử lại ở cấp sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung sau:

- Có hay không việc các bị cáo tuyên bố ngưng hoạt động các dây huê hoặc bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tiền huê. Các dây huê bị cáo bị truy tố tính đến ngày 04/3/2012 còn hoạt động hay không, lý do không hoạt động.

- Dây huê thứ nhất ngày xổ đầu tiên là ngày 26/4/2011, tính đến ngày 04/3/2012 phải xổ được 11 kỳ nhưng kết quả điều tra kết luận dây huê này đã xổ 10 kỳ, còn 01 kỳ chưa xổ khi đến kỳ xổ. Tương tự dây huê thứ 3 xổ lần đầu ngày 21/5/2011, tính đến ngày 04/3/2012 phải xổ 10 kỳ, kết quả điều tra mới xổ 09 kỳ, còn 01 kỳ chưa xổ. Cần điều tra làm rõ kỳ nào nhà cái không tổ chức xổ huê và có thu tiền huê của nhà con đối với kỳ chưa xổ huê không, lý do không xổ huê.

- Làm rõ cụ thể tên từng người chơi huê (con huê) của 5 dây huê trên, số kỳ và số phần đã hót, ai hót, bị cáo D, Đ làm cái và có tham gia chơi làm nhà con những dây huê nào, cách thức khi xô huê, D hót kỳ nào, hót mấy phần trong kỳ trong dây huê nào, có dây huê nào D, Đ không chơi làm nhà con mà chỉ làm cái nhưng D, Đ vẫn hót huê. Khi xô huê và khi D, Đ hót huê thì hành vi của D, Đ thể hiện cụ thể thế nào. Hành vi cụ thể nào của các bị cáo thể hiện sự gian dối đối với các nhà con khi hót huê để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các nhà con (các bị cáo giả danh nhà con nào để bỏ thăm và hót huê ở kỳ nào, dây huê nào, ở kỳ huê nào các bị cáo thông báo không đúng với các nhà con là có người khác bỏ huê cao được hót huê nhưng thực tế nhà cái hót huê, bị cáo thông báo ở đâu, có ai chứng kiến, nhà con khác bỏ huê cao như bị cáo thông báo là ai, D hay Đ thông báo, số tiền các bị cáo hót huê và chiếm đoạt khi thực hiện hành vi gian dối này).

- Đối với bà Nghĩa có lời khai thừa nhận có chơi dây huê 10 triệu/phần xô vào ngày 26/4/2011 (BL 359), nhưng các lời khai khác của bà Nghĩa thì bà không thừa nhận chơi dây huê này. Bị cáo D khai bà Nghĩa có chơi dây huê này và đã hót 2 phần, trong sổ huê của bị cáo D (cuốn 4) có ghi bà Nghĩa chơi dây huê ngày 26/4/2011 và đã hót 02 phần. Như vậy lời khai của bà Nghĩa mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với lời khai của bị cáo D nhưng chưa được làm rõ.

- Làm rõ xác định trong các dây huê bị truy tố thì nhà con nào đã nộp huê sống, nhà con nào chưa nộp huê sống, nhà con nào còn nợ huê chết để cân đối xác định tiền huê bị chiếm đoạt và trách nhiệm của các bị cáo. Bà Tịnh, bà Hợp, bà Nghiên, bà Khanh có nợ huê sống, huê chết không, nếu các bà nợ tiền huê thì không phải là bị hại trong vụ án mà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cấp sơ thẩm xác định các bà này là bị hại nhưng lại tuyên các bà trả tiền cho bị cáo là chưa đúng.

Kết quả điều tra và xét xử ở cấp sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung này nên chưa đủ căn cứ để kết luận các bị cáo có hành vi “*Giả các nhà con tự bỏ thăm huê, thông báo với các nhà con có người khác đã bỏ giá cao hơn để được hót huê, lấy tên chị Hồ Thị Bảo Nghĩa để hót huê trong khi chị Nghĩa không tham gia chơi huê ngày 26/4/2011*” như cáo trạng và bản án sơ thẩm kết luận.

- Các biên bản đối chất giữa Bùi Thị Mỹ D, Trần Văn Đ với các nhà con (từ bút lục 752 đến 825) được thực hiện trước khi khởi tố vụ án nên chưa phải là chứng cứ do không được thu thập theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, chưa chuyển hóa thành chứng cứ. Mặt khác, nội dung các biên bản đối chất này chỉ nêu ý kiến của các bên về việc nhà con tham gia dây huê nào, chơi mấy phần, đã hót kỳ nào, số tiền nợ huê giữa các nhà con với D, không có nội dung nào về hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định.

Tại Bản án số 150/2015/HSPT ngày 27/3/2015 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy án sơ thẩm để điều tra lại, đối chất giữa các

bị cáo và bị hại và các nhà con về những điểm mâu thuẫn trong lời khai; làm rõ các bị cáo đã chồng đủ tiền huê cho người hót huê ở kỳ huê nào, kỳ xỏ huê nào các bị cáo có thu tiền huê của các nhà con nhưng không chồng huê cho người được hót huê, lý do chưa chồng huê; làm rõ nhà con nào không đóng tiền huê chết cũng như huê sống để làm rõ số tiền các bị cáo chiếm đoạt (nếu có). Các nội dung này khi điều tra, xét xử lại cấp sơ thẩm chưa được làm rõ, chưa đối chất giữa các bị cáo và các bị hại.

- Theo các tài liệu trong hồ sơ và lời trình bày trong quá trình tố tụng thì bị cáo Đ cho rằng Đ không có thỏa thuận gì với các nhà con, do Đ không biết chữ nên Đ giúp Đ ghi chép sổ sách và phụ giúp Đ thu tiền huê chứ không biết gì về việc chơi huê của D (BL 732). Tuy nhiên có lời khai của D, Đ, bà Liên, bà D C5 thừa nhận Đ có cùng D chơi huê với Liên và D C5 (BL 730). Trong cuốn sổ huê của D có ghi Đ là nhà cái, D cũng có lời khai thừa nhận vợ chồng D làm cái (BL 474). Như vậy, có sự mâu thuẫn trong các lời khai, chứng cứ nên cần làm rõ nội dung này để xác định Đ có cùng D làm nhà cái không và Đ tham gia làm cái những dây huê nào (nếu có việc Đ cùng D làm nhà cái), từ đó mới có căn cứ xác định trách nhiệm hình sự của Đ. Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền như bị cáo D trong khi chưa làm rõ nội dung này là chưa có căn cứ vững chắc.

- Mặt khác, cũng cần làm rõ những con huê trong 05 dây huê mà Viện kiểm sát kết luận bị cáo lừa đảo chiếm đoạt có tham gia trong 40 dây huê trước đó không? Những con huê (huê chết) trong 40 giây huê có nghĩa vụ đóng huê chết là bao nhiêu. Vì 05 dây huê truy tố bị cáo chiếm đoạt có liên quan đến 40 dây huê mà bị cáo làm chủ huê.

Những thiết sót trên không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo và một phần kháng cáo của các bị hại, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để điều tra lại.

Những người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý lại vụ án.

Các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (3);
- NBH (22);
- Lưu VP (3), HS (2). (37b).MSL38.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn

Lê Thành Văn

Nguyễn Văn Hùng